

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021 - 2025, VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (LẦN 8)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung)			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT lần cuối (hoặc giá trị QT)		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn trong cân đối NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14=8+11	15=9+12	16
	TỔNG CỘNG (A+B)			553,037	410,868	265,649	54,881	210,768	0	0	0	265,649	54,881	210,768	141,990
A	ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025			239,707	220,173	195,283	53,881	141,402	-120,329	-22,500	-97,829	74,954	31,381	43,573	19,354
I	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025			239,707	220,173	195,283	53,881	141,402	-120,329	-22,500	-97,829	74,954	31,381	43,573	19,354
1	Xây dựng một số HMPT Trường THCS Nguyễn Lương Bằng tại vị trí mới			15,000	15,000	15,000		15,000	-15,000		-15,000	-	-	-	
2	Xây dựng nhà một cửa, tiếp công dân và một số công trình phụ trợ Khu hành chính tập trung của huyện			20,000	20,000	20,000		20,000	-20,000		-20,000	-	-	-	
3	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392, đoạn từ xã Thanh Tùng về xã Lam Sơn và từ đường tỉnh 392 vào Nhà tương niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng (lần 01)			6,679	3,163	9,000	5,000	4,000	-5,837	-4,000	-1,837	3,163	1,000	2,163	3,516
4	Đầu tư xây dựng hoàn thiện và mua sắm, lắp đặt các trang thiết bị của Hội trường NVH trung tâm huyện; Nhà công vụ huyện; Nhà một cửa, nhà tiếp công dân; Khối nhà làm việc HĐND-UBND huyện			15,000	15,000	15,000	9,260	5,740	-15,000	-9,260	-5,740	-	-	-	

TT	Dan h mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung)			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT lần cuối (hoặc giá trị QT)		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn trong cân đối NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14=8+11	15=9+12	16
5	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ cầu vào Trung tâm Y tế huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) và chỉnh trang, mở rộng điểm đầu nối giữa phố Hoàng Xá với đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện			5,915	4,147	6,307	4,000	2,307	-2,160	-2,000	-160	4,147	2,000	2,147	1,768
6	Xây dựng khu hành chính tập trung huyện Thanh Miện; hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước (giai đoạn 1)			5,000	3,251	5,000	3,000	2,000	-1,749	-500	-1,249	3,251	2,500	751	1,749
7	Cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, đoạn từ trụ sở UBND huyện đến công chào phía Đông và đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ trụ sở UBND huyện đến công Neo, thị trấn Thanh Miện			22,280	15,076	22,280	5,000	17,280	-7,204		-7,204	15,076	5,000	10,076	7,024
8	Nhà đa năng Trường THCS Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện			6,900	6,503	6,900	1,973	4,927	-397		-397	6,503	1,973	4,530	397
9	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng. Hạng mục: Nhà tưởng niệm, Nghi môn và các hạng mục phụ trợ			7,933	3,033	8,783		8,783	-5,750		-5,750	3,033	-	3,033	4,900
10	Xây dựng Khu hành chính tập trung của huyện. HM: Nhà làm việc Huyện ủy, HĐND và UBND huyện			135,000	135,000	87,013	25,648	61,365	-47,232	-6,740	-40,492	39,781	18,908	20,873	
B	BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025			313,330	190,695	70,366	1,000	69,366	120,329	22,500	97,829	190,695	23,500	167,195	122,636
I	Dự án, công trình dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025			281,064	158,429	70,366	1,000	69,366	88,063	22,500	65,563	158,429	23,500	134,929	122,636
1	Lĩnh vực giao thông			191,433	109,787	68,525	1,000	67,525	41,262	11,600	29,662	109,787	12,600	97,187	81,646

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung)			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT lần cuối (hoặc giá trị QT)		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn trong cân đối NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14=8+11	15=9+12	16
1.1	Cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đường Chu Văn An, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ Km0+00 đến Km0+550)			11,400	11,400				11,400	2,000	9,400	11,400	2,000	9,400	
1.2	Cải tạo, nâng cấp cầu qua sông Hồng Quang vào cụm dân cư số 3 thôn Liên Đông, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện			2,704	2,704				2,704		2,704	2,704	-	2,704	
1.3	Cải tạo, nâng cấp cầu chợ Đàng qua sông cầu Cốc vào khu dân cư thôn Văn Xá, xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện			2,158	2,158				2,158		2,158	2,158	-	2,158	
1.4	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 393 đoạn Km10+180 – Km14 (từ cổng Ba Đa đến KDC mới xã Hồng Quang)			81,146	25,000				25,000		25,000	25,000	-	25,000	56,146
1.5	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km0+000 - Km4+300, huyện Thanh Miện			62,900	52,900	52,900		52,900	-	6,100	-6,100	52,900	6,100	46,800	10,000
1.6	Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 392B đoạn Km0+000-Km1+700 (từ ngã ba Trương đến cầu vào Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện)			31,125	15,625	15,625	1,000	14,625	-	3,500	-3,500	15,625	4,500	11,125	15,500
2	Lĩnh vực giáo dục			47,321	31,176	-	-	-	31,176	4,000	27,176	31,176	4,000	27,176	16,145
2.1	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng Trường THCS Hồng Quang, Trường THCS Đoàn Kết, huyện Thanh Miện			20,698	12,283				12,283	1,000	11,283	12,283	1,000	11,283	8,415
2.2	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non Hồng Quang, huyện Thanh Miện			10,554	8,024				8,024	1,000	7,024	8,024	1,000	7,024	2,530
2.3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Cao Thắng, huyện Thanh Miện			8,442	3,242				3,242	1,000	2,242	3,242	1,000	2,242	5,200

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung)			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 đã giao		Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT lần cuối (hoặc giá trị QT)		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn trong cân đối NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung		Thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14=8+11	15=9+12	16
2.4	Đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tân Trào, huyện Thanh Miện			7,627	7,627				7,627	1,000	6,627	7,627	1,000	6,627	
3	Lĩnh vực An ninh			29,963	11,162	1,841	-	1,841	9,321	3,000	6,321	11,162	3,000	8,162	18,801
3.1	CT: Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện			8,183	2,046	1,841		1,841	205	1,000	-795	2,046	1,000	1,046	6,137
3.2	Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện			9,665	3,333	-			3,333	1,000	2,333	3,333	1,000	2,333	6,332
3.3	Đầu tư xây dựng Nhà làm việc Công an xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện			12,115	5,783	-			5,783	1,000	4,783	5,783	1,000	4,783	6,332
4	Lĩnh vực Quản lý NN			12,348	6,304	-	-	-	6,304	3,900	2,404	6,304	3,900	2,404	6,044
4.1	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc 3 tầng và một số hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc Huyện ủy Thanh Miện			2,700	2,700	-			2,700	1,000	1,700	2,700	1,000	1,700	
4.2	Đầu tư xây dựng hoàn thiện và mua sắm, lắp đặt trang thiết bị của Nhà văn hóa trung tâm huyện, Nhà công vụ huyện			9,648	3,604				3,604	2,900	704	3,604	2,900	704	6,044
II	Hỗ trợ các xã, thị trấn và hỗ trợ theo các chương trình của huyện			32,266	32,266	-	-	-	32,266	-	32,266	32,266	-	32,266	
1	Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025			10,000	10,000				10,000		10,000	10,000		10,000	
2	Hỗ trợ các xã, thị trấn thanh toán nợ XDCB			11,633	11,633				11,633		11,633	11,633		11,633	
3	Hỗ trợ cho đầu tư xây dựng đường giao thông thôn, khu dân cư			10,633	10,633				10,633		10,633	10,633		10,633	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh, bổ sung)			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú và vốn ngân sách tỉnh bổ sung
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT lần cuối (hoặc giá trị QT)		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn trong cân đối NSDP		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14=8+11	15=9+12	16